

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG VIỆT NAM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM TELECOMUNICATION DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VTDIS.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107542816

3. Ngày thành lập: 19/08/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm Phạm Hồng Thái, Xã Hà Hồi, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
2.	Sản xuất thiết bị truyền thông Gồm có: Sản xuất các thiết bị bưu chính viễn thông;	2630
3.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
4.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
5.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
6.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
7.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
8.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
9.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
10.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa Gồm có: Sản xuất các loại vật liệu bao bì phục vụ khai thác bưu chính, viễn thông;	1702
11.	In ấn Gồm có: in lại các ấn phẩm, sách, báo, tạp chí, tem, nhãn, bao bì, danh bạ điện thoại, danh bạ bưu cục ngành bưu chính viễn thông;	1811
12.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
13.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
14.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
15.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
16.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
17.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669

18.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
19.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
20.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
21.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
22.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
23.	Hoạt động viễn thông khác	6190
24.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Gồm có: sản xuất đồ gia dụng, sản xuất các loại thẻ viễn thông, thẻ thông minh;	3290
25.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
26.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
27.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
28.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
29.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
30.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
31.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
32.	Xây dựng nhà các loại	4100
33.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
34.	Xây dựng công trình công ích	4220
35.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Gồm có: Xây dựng các công trình bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng cơ sở, khu đô thị, nhà ở, khu công nghiệp;	4290
36.	Phá dỡ	4311
37.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
38.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
39.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
40.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Gồm có: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng. Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí	4329(Chính)
41.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

42.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
43.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
44.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
45.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
46.	Bán buôn thực phẩm	4632
47.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
48.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
49.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
50.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
51.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
52.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Gồm có: Vận tải hàng hóa;	4933
53.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
54.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
55.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
56.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
57.	Quảng cáo	7310
58.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
59.	Điều hành tua du lịch	7912
60.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
61.	(Không bao gồm những ngành, nghề mà pháp luật cấm kinh doanh và chỉ kinh doanh sau khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật);	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 1.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ THỊ HÒA	Xóm Phạm Hồng Thái, Xã Hà Hồi, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	70.000	700.000.000	36,842	017124264	
			Tổng số	70.000	700.000.000	36,842		

2	LƯƠNG THÙY DƯƠNG	Xóm Phạm Hồng Thái, Xã Hà Hồi, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	31,579	111905636	
			Tổng số	60.000	600.000.000	31,579		
3	LƯƠNG LAN HƯƠNG	Xóm Phạm Hồng Thái, Xã Hà Hồi, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	31,579	111687781	
			Tổng số	60.000	600.000.000	31,579		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐỖ THỊ HÒA

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/11/1956

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 017124264

Ngày cấp: 05/10/2009

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Phạm Hồng Thái, Xã Hà Hồi, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Phạm Hồng Thái, Xã Hà Hồi, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội